

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Yến

2. Bà Lê Thị Bé Bảy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang** tham gia phiên tòa: Bà Phạm Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Thiện N, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: số 195A đường Đồng Đa, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Chị Đoàn Ngọc Tú U, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 4/31A khu phố 1, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn ly hôn đề ngày 22 tháng 01 năm 2024 và trong quá giải quyết vụ án,** nguyên đơn Huỳnh Thiện N trình bày: Anh và chị U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Anh và chị U sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã. Hiện tại anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống chung với nhau, cả hai đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Do đó, anh yêu cầu được ly hôn với chị Uyên. Anh và chị U có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Tú V sinh ngày 26/10/2019, ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, anh không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

* **Tại phiên họp và hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình xét xử bị đơn Đoàn Ngọc Tú U trình bày:** Chị thống nhất anh N về thời điểm sống chung không có đăng ký kết hôn, và về thời gian phát sinh mâu thuẫn, cũng như nguyên nhân dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau. Về con chung chị và anh N có 01 con chung

là cháu Huỳnh Ngọc Tú V như anh N trình bày. Đối với yêu cầu ly hôn của anh N, chị đồng ý. Nhưng đối với yêu cầu về nuôi con chung của anh N, chị không đồng ý, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký Tòa án và người tham gia tổ tụng tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự.

Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ các Điều 15, 23 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Thiện Nh. Không công nhận anh N và chị U là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Huỳnh Ngọc Tú V cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị U không cấp dưỡng nuôi con chung do anh N chưa có yêu cầu. Anh N và chị U trình bày không có tài sản và nợ chung, không đặt giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị U xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh N và chị U sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không thể hòa hợp nên anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh N không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc và không thể hàn gắn với chị U nên anh yêu cầu được ly hôn với chị U và chị U cũng đồng ý. Tuy nhiên, anh N và chị U tuy có đủ điều kiện kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng anh N và chị U không thực hiện mà chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh N và chị U không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó về hôn nhân, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị U.

[3] Về nuôi con chung: Anh N và chị U có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Tú V sinh ngày 26/10/2019 đang sống chung với anh N.

Xét thấy, thời gian anh chị sống ly thân, con chung của anh chị do anh N chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định. Tại phiên tòa, anh N cũng thống nhất tạo điều kiện tốt nhất để cho chị U được thăm nom chăm sóc con chung, phía chị U liên tiếp vắng mặt hai lần tại phiên tòa. Do đó để ổn định tâm lý, sinh hoạt, nơi ở cho các cháu, cần giao cháu V cho anh N nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh N có việc làm, thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con nên anh không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung, không đặt ra xem xét.

[4] về tài sản và nợ chung: Anh N và chị U trình bày không có, không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 273, khoản 4 Điều 147, 150 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9, khoản 1 Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Thiện N và chị Đoàn Ngọc Tú U.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Tú V sinh ngày 26/10/2019 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị U không cấp dưỡng nuôi con chung do anh N chưa có yêu cầu.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh N và chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Anh N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005654 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, như vậy anh N đã nộp xong.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSDND TP.M, Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP. M, Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Cao Thị Trúc Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Ái

Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Hoàng Yến

